

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**

Địa chỉ: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, TT. Nhà Bè, H. Nhà Bè, Tp. HCM

Mã số thuế: 0301434177

Điện thoại: (028) 3782 7509

**BÁO CÁO
GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
NĂM 2024**

Tháng 02 năm 2025

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB ĐẾN 31/12/2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2024			Giải ngân đến 31/12/2024			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2024	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/24	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Dự án nhóm B																		
1	Dự án khu nhà ở tại xã Nhơn Đức	157/QĐ-SXD -PTN	364,878	182,439	50%	182,439	50%		0	0	0	256,483	1,152	257,635	256,483	1,152	257,635	
Dự án nhóm C																		
2	Dự án khu tái định cư 0,5ha tại xã Phú Xuân	101/QĐ-UBND	19,270	19,270	100%	0	0		0	0	0	9,314	0	9,314	9,314	0	9,314	
3	Dự án Nghĩa trang nhân dân 1,56ha mở rộng	1730/UBND -QLĐT	15,701	15,701	100%	0	0		0	0	0	5,163	0	5,163	5,163	0	5,163	
4																		
Tổng cộng			399,849	217,410		182,439		-	0	0		270,960	1,152	272,112	270,960	1,152	272,112	0

Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Mai

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Yên Duyên

Ngày 25 tháng 2 năm 2025
Giám đốc doanh nghiệp

Trương Quang Nhân

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH ĐẾN 31/12/2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của DN, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ	Vốn CSH của Cty con, Cty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/vốn CSH công ty con, công ty liên kết
		Giá trị góp vốn			Tỉ lệ vốn góp (%)					Kỳ/năm trước	Kỳ/năm báo cáo	Kỳ/năm trước	Kỳ/năm báo cáo				
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/2024	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/2024										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công ty con	Không có															
II	Công ty liên kết	Không có															
III	Đầu tư tài chính	Không có															

Người lập biểu

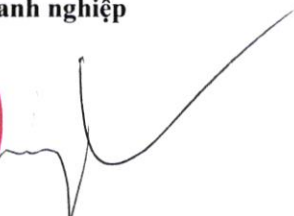

Nguyễn Thị Thu Mai

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 25 tháng 2 năm 2025
Giám đốc doanh nghiệp




Trương Quang Nhân

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐẾN 31/12/2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: tr đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Thực hiện năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A.Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1.Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ	160,672	149,509		123,991	77.17%	82.93%	
B.Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	95,814	91,311	94,598	95,257	99.42%	104.32%	100.70%
2. Giá vốn hàng bán	83,206	78,779		80,955	97.29%	102.76%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12,608	12,531		14,301	113.43%	114.12%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	1,346	1,607		942	69.99%	58.62%	
5. Chi phí tài chính	-	13		94		723.08%	
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,235	9,256	10,000	9,575	103.68%	103.45%	95.75%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4,719	4,870		5,574	118.12%	114.46%	



Nội dung	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Thực hiện năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Kế hoạch năm
					[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
9. Thu nhập khác	15	1,384		376	2506.67%	27.17%	
10. Chi phí khác	258	474		221	85.66%	46.62%	
11. Lợi nhuận khác	(243)	911		155	-63.79%	17.01%	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,476	5,781	5,030	5,729	127.99%	99.10%	113.90%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	973	1,634	1,006	1,701	174.82%	104.10%	169.09%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	3,503	4,146	4,024	4,028	114.99%	97.15%	100.10%

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.

Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính công ty .

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Mai

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐẾN 31/12/2024

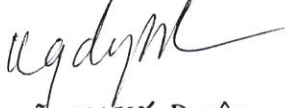
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/ TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm ?				
	- Thu gom rác đường phố (m ²)	173,710,818	173,710,818	100.00%	92.07%
	- Vệ sinh thùng rác công cộng (thùng)	36,600	36,600	100.00%	92.42%
	- Vệ sinh điểm hẹn (lần)	5,808	5,808	100.00%	92.37%
	- Vận chuyển rác (tấn)	2,355,250	2,355,250	100.00%	96.18%
	- Chăm sóc cây xanh (ha)				
	+ Măng xanh (ha)	8.877	8.877	100.00%	20.36%
	+ Chăm sóc cây xanh (cây/lần)	1,987	1,987	100.00%	107.23%
	- Duy tu cầu đường thoát nước (md/năm)				
	- Nạo vét cống (m3)				
	- Duy tu giao thông	37	37	100.00%	154.17%
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu ?				
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của DN không đạt yêu cầu ?				
4	Chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (trđ)	42,682	38,404		
	- Thu gom - vận chuyển rác đường phố (m2)	22,940	21,856	95.28%	94.24%
	- Chăm sóc cây xanh (ha)	4,695	5,162	109.95%	133.94%
	- Duy tu cầu đường thoát nước (md)				
	- Duy tu giao thông	15,047	11,386	75.67%	75.66%
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (ĐVT: trđ)	55,908	52,015		
	- Thu gom - vận chuyển rác đường phố (m2)	35,292	34,666	98.23%	98.23%
	- Chăm sóc cây xanh (ha)	5,103	5,611	109.95%	119.89%
	- Duy tu cầu đường thoát nước (md)				
	- Duy tu giao thông	15,513	11,738	75.67%	75.67%

Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Mai:

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày tháng 2 năm 2025

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ ĐẾN 31/12/2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT : tr đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	7,140	1,208	5,896	2,452
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	5,924	2,622	1,860	6,686
3. Quỹ thưởng VCQLDN	535	206	125	616
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Thuyết minh:

- Quỹ đầu tư phát triển: trong năm 2024 tăng 1.208 triệu đồng do doanh nghiệp trích 30% quỹ từ lợi nhuận sau thuế, giảm 5.896 triệu đồng do trong năm nộp chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ theo Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 16/01/2024.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: trong năm 2024:
 - + Tăng quỹ khen thưởng phúc lợi 2.622 triệu đồng do doanh nghiệp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế.
 - + Giảm quỹ khen thưởng phúc lợi là: 1.860 triệu đồng trong đó chi khen thưởng cán bộ công nhân viên năm 2023, 2024 là 971 triệu và chi phúc lợi là 889 triệu đồng.
- Quỹ thưởng ban điều hành: trong năm 2024 như sau
 - + Tăng quỹ khen thưởng là 206 triệu đồng do doanh nghiệp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế.
 - + Giảm quỹ khen thưởng là 125 triệu đồng do doanh nghiệp chi quỹ thưởng ban điều hành năm 2023.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Mai

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Yên Duyên

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN 31/12/2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

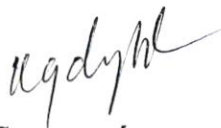
Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế	3,431,543,774	8,160,054,701	12,412,140,583	(820,542,108)
- Thuế GTGT	1,812,902,879	5,019,792,067	6,289,595,076	543,099,870
- Thuế TNDN Công ty	279,168,129	2,283,084,327	1,728,171,041	834,081,415
- Thuế TNDN Dự án	(1,851,568,071)	173,510,561		(1,678,057,510)
- Thuế xuất, nhập khẩu	-			-
- Thuế Đất	-	450,571,106	450,571,106	-
- Các khoản thuế khác	3,191,040,837	233,096,640	3,943,803,360	(519,665,883)
+ Thuế môn bài	-	3,000,000	3,000,000	-
+ Thuế TNCN	(612,791,733)	230,096,640	164,186,903	(546,881,996)
+ Thuế khác	3,803,832,570		3,776,616,457	27,216,113
2. Các khoản phải nộp khác	(41,014,558)	-	-	(41,014,558)
- Phí, lệ phí	-			-
- Các khoản phải nộp khác	(41,014,558)			(41,014,558)
3. Nộp ngân sách Nhà nước (Quỹ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định.	-			-
Tổng cộng	3,390,529,216	8,160,054,701	12,412,140,583	(861,556,666)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Mai

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Yên Duyên

Ngày 15 tháng 2 năm 2025

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP ĐẾN 31/12/2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Tên DN: CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Loại hình DN: Hoạt động Công ích - Xây dựng, duy tu

Chi tiêu 1 (tr.đồng)			Chi tiêu 2							Chi tiêu 3					Chi tiêu 4 Xếp loại	Chi tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN
Doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận sau thuế(triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại			
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH	Nợ NH	TSNH/NNH (lần)					
94,598	96,575	A	4,024	4,028	15,162	19,829	26.54	20.31	A	165,271	97,848	1.69	-	A	B	A	A

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc doanh nghiệp



Nguyễn Thị Thu Mai



Nguyễn Thị Yên Duyên



Trương Quang Nhân

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP ĐẾN 31/12/2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người QLDN	Xếp loại hoạt động Người QLDN
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ	26.54	20.31	76.53			

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thu Mai

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP



Trương Quang Nhân

Tên DN: **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**
Giấy ĐKKD số: 0301434177 ngày 11 tháng 8 năm 2010
Đ/c: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, KP 7, Thị trấn Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM

TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT ĐẾN 31/12/2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài Chính)

Nội dung	Có	Không
1. Trong năm, doanh nghiệp có tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách hay không?	X	
2. Doanh nghiệp có tuân thủ đầy đủ (có quy trình, nhân viên được đào tạo và phổ biến về quy trình, không bị xử phạt hành chính/hoặc trên hành chính, ...) các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải không ?	X	
3.Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...) cho người lao động hay không?	X	
4. Doanh nghiệp có bị lập biên bản vi phạm hành chính nào khác liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật không?	X	

Thuyết minh chỉ tiêu 4 : Doanh nghiệp luôn tuân thủ và thực hiện tốt trong việc chấp hành các chế độ, chính sách, pháp luật chủ trương của nhà nước. Trong năm không có trường hợp vi phạm nào xảy ra và bị lập biên bản vi phạm đối với doanh nghiệp.

Lập biểu

Nguyễn Thị Thu Mai

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 25 tháng 2 năm 2025
Giám đốc



Trương Quang Nhân